DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ NĂM 2025-2026

1. HÓA CHẤT

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
1	Aceton	Chai	Chai 1 lít		5	Dung môi Acetone trong suốt, không màu, tinh khiết dùng cho phân tích thí nghiệm, bảo quản mát, tránh ánh sáng, tránh xa nguồn nhiệt, mang găng và đeo kính bảo hộ khi sử dụng.
2	Liss reagent	Lọ	Lọ 500ml		10	
3	Carbofushin	Chai	250 ml		8	
4	Coagulase Plasma	Lọ	Lọ 5ml		20	
5	Thuốc thử Methyl Red	Chai	Chai 100 ml		8	
6	Thuốc thử Oxidase dạng nước	Lọ	Lọ 0,75 ml		50	
7	Immersion oil (dầu soi kính)	Chai	Chai 500ml		16	Dung dịch dầu soi kính hiển vi, nhớt, chiết quang, chai thủy tinh 500ml. Bảo quản mát, tránh ánh sáng.
8	Matrix - HCCA Portioned	Hộp	Hộp/ 10 lọ x 2,5 mg		16	
9	Maximum recover diluent	Chai	Chai 500 g		4	
10	Thuốc thử Kovac's	Hộp	4x25 ml		4	
11	Urea Solution 40%	Hộp	10x5 mL		2	
12	Hydrogen Peroxide (H2O2) 3%	Chai	Chai 10-25 ml		4	
13	Lactophenol Blue solution	Chai	chai 100mL		5	
14	Xét nghiệm sắc kí miễn dịch tìm galactomanan LFA	Test	50 test/hộp		4.000	
15	Test nhanh gene kháng carbapenem	Test			670	
16	Anti A 10ml	Lọ	Lọ/ 10 ml	**HT1**	360	
17	Anti AB 10ml	Lọ	Lọ/ 10 ml	**HT1**	360	

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
18	Anti B 10ml	Lọ	Lọ/ 10 ml	**HT1**	360	
19	Anti D 10ml	Lọ	Lọ/ 10 ml	**HT1**	190	
20	Factor V	Test			50	
21	Factor X	Test			50	
22	Factor X+V	Test			50	
23	Hồng cầu mẫu A,B,O	Bộ	bộ/30 ml		144	Hồng cầu nhóm O: có Rh dương, đã cảm nhiễm ANTI D loại IgD
24	Thuốc nhuộm Giêm sa	Ml	Chai 500ml		10.000	
25	Methanol	chai	Chai/ 500ml		10	
26	Thuốc nhuộm Gram	Bộ	Bộ 4 chai 250 ml		60	
27	Methylene Blue	Chai	250ml		10	
28	Methylene Blue Alkalin	Chai	125 ml		8	
29	Salmonella typhi A Antigen H (AH)	Chai	Chai 5ml	**HT2**	20	
30	Salmonella typhi A Antigen O (AO)	Chai	Chai 5ml	**HT2**	15	
31	Salmonella typhi Antigen H (TH)	Chai	Chai 5ml	**HT2**	20	
32	Salmonella typhi Antigen O (TO)	Chai	Chai 5ml	**HT2**	15	
33	Salmonella typhi B Antigen H (BH)	Chai	Chai 5ml	**HT2**	20	
34	Salmonella typhi B Antigen O (BO)	Chai	Chai 5ml	**HT2**	15	
35	Salmonella antisera polyvalent O	Chai	Chai 2ml	**HT3**	2	
36	Salmonella antisera Vi	Chai	Chai 2ml	**HT3**	2	
37	Salmonella antisera group O2	Chai	Chai 2ml	**HT3**	2	
38	Salmonella antisera group O4	Chai	Chai 2ml	**HT3**	2	

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
39	Salmonella antisera group O6	Chai	Chai 2ml	**HT3**	2	
40	Salmonella antisera group O7	Chai	Chai 2ml	**HT3**	2	
41	Salmonella antisera group O9	Chai	Chai 2ml	**HT3**	2	
42	Shigella sonnei antisera	Chai	Chai 2ml	**HT4**	2	
43	Shigella flexneri antisera	Chai	Chai 2ml	**HT4**	2	
44	Shigella boynii antisera	Chai	Chai 2ml	**HT4**	2	
45	Mac Conkey No.3	Chai	500 g		30	
46	Sputasol	Lọ	Lọ 7,5 ml		200	
47	MUELLER HINTON AGAR 500G	Chai	500 g		25	
48	NUTRIENT AGAR 500G	Chai	500 g		10	
49	Sabouraud Dextrose Agar + Supplement Chloramphenicol	Hộp	500g/chai + 10 vial		20	
50	Sheep Blood Agar	Chai	500 g		30	
51	Maltose extract agar	Hộp	Hộp 500gram		2	
52	Blood Agar Base	Chai	Chai 500gram		50	
53	Brain Heart Infusion Broth	Chai	Chai 500gram		3	
54	MR-VP Broth	Chai	Chai 500gram		2	
55	Đĩa thạch Blood agar base +5% máu cừu (đĩa 90 mm)	Đĩa	10 đĩa/ hộp	**HT5**	54.000	Độ dày >=4mm, thạch không bị nứt, khô, bong tróc sau khi ủ ở 37 độ C trong 48 giờ. Tiêu huyết alpha, beta rõ ràng
56	Đĩa thạch MacConkey agar (đĩa 90 mm)	Đĩa	10 đĩa/ hộp	**HT5**	35.000	Độ dày >=4mm, thạch không bị nứt, khô, bong tróc sau khi ủ ở 37 độ C trong 48 giờ

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
57	Đĩa thạch chocolate agar (đĩa 90 mm)	Đĩa	10 đĩa/ hộp	**HT5**	20.000	Độ dày >=4mm, thạch không bị nứt, khô, bong tróc sau khi ủ ở 37 độ C trong 48 giờ
58	Đĩa thạch Sabouraud agar + chloramphenicol (đĩa 90 mm)	Đĩa	10 đĩa/ hộp	**HT5**	3.000	Độ dày >=4mm, thạch không bị nứt, khô, bong tróc sau khi ủ ở 37 độ C trong 48 giờ
59	Đĩa thạch Columbia agar (đĩa 90 mm)	Đĩa	10 đĩa/ hộp	**HT5**	600	Độ dày >=4mm, thạch không bị nứt, khô, bong tróc sau khi ủ ở 37 độ C trong 48 giờ
60	Đĩa thạch Muller Hinton + máu cừu agar (đĩa 90 mm)	Đĩa	10 đĩa/ hộp	**HT5**	670	Độ dày >=4mm, thạch không bị nứt, khô, bong tróc sau khi ủ ở 37 độ C trong 48 giờ
61	Đĩa thạch Muller Hinton agar (đĩa 90 mm)	Đĩa	10 đĩa/ hộp	**HT5**	2.000	Độ dày >=4mm, thạch không bị nứt, khô, bong tróc sau khi ủ ở 37 độ C trong 48 giờ
62	Đĩa thạch Haemophilus test medium (đĩa 90 mm)	Đĩa	10 đĩa/ hộp	**HT5**	900	Độ dày >=4mm, thạch không bị nứt, khô, bong tróc sau khi ủ ở 37 độ C trong 48 giờ
63	Bile Esculin Agar	Ống			70	
64	Campylobacter blood-free selective agar base	Đĩa			140	
65	Môi trường thạch cấy kỵ khí	Đĩa			670	
66	Hoyle medium agar	Chai	500 g		1	
67	Potassium tellurite 3.5% supplement	Hộp	Hộp 10 lọ		1	
68	TCBS agar	Chai	500 g		1	
69	SS Agar	Chai	500 g		1	
70	Glycerol	Chai	1 lít		1	
71	HTM Agar (Haemophilus Test Medium)	Chai	500 g		1	
72	HTM Supplement	Hộp	Hộp 10 lọ		3	
73	MRVP Medium Agar	Chai	500 g		1	

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
74	Urea agar Base	Chai	500 g		1	
75	Simon Citrat agar	Chai	500 g		1	
76	S.I.M medium agar	Chai	500 g		1	
77	Urea	Chai	500 g		1	
78	Sodium phosphate monobasic monohyrate reagent	Chai	500g g		1	
79	Agar No.1 Bacteriological	chai	500 g		1	
80	Đĩa kháng sinh các loại	Đĩa	Hộp/250 đĩa		75.000	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Hiệu lực duy trì sau 01 tháng mở hộp
81	Đĩa Optochin	Đĩa			2.500	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Hiệu lực duy trì sau 01 tháng mở hộp
82	Đĩa kháng sinh cefotaxim-clavulanic acid 10 µg	Đĩa			3.500	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Hiệu lực duy trì sau 01 tháng mở hộp
83	Đĩa kháng sinh Fosfomycin 200 µg	Đĩa			8.000	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Hiệu lực duy trì sau 01 tháng mở hộp
84	Etest Doxycillin	Test	30 test	**HT6**	210	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
85	Etest Imipenem	Test	30 test	**HT6**	210	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
86	Etest Ceftriaxone	Test	30 test	**HT6**	600	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
87	Etest Colistin	Test	30 test	**HT6**	120	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
88	Etest Meropenem	Test	100 test	**HT6**	60	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
89	Etest Ertapenem	Test	30 test	**HT6**	60	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
90	Etest Penicillin	Test	30 test	**HT6**	450	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
91	Etest Vancomycin	Test	30 test	**HT6**	60	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
92	Etest Ampicillin	Test	30 test	**HT6**	60	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
93	Etest Amoxicillin-Clavulanic acid	Test	30 test	**HT6**	330	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
94	Etest Cetazidime	Test	30 test	**HT6**	210	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
95	Etest Trimethoprim-Sulfamethoxazol	Test	30 test	**HT6**	210	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
96	Etest Ceftazidim-avibactam	Test		**HT6**	90	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
97	Etest Ceftolozane-tazobactam	Test		**HT6**	90	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
98	Etest Cefiderocol	Test	30 test/hộp		60	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
99	Etest Levofloxacin	Test	30 test		60	Đạt giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn CLSI. Đóng gói riêng lẻ từng test hoặc hiệu lực duy trì sau 06 tháng mở hộp
100	Gói nuôi cấy kị khí Anaerogen 2.5L	Gói	Hộp/10 gói		200	
101	Gói nuôi cấy kị khí CampyGen 2.5L	Gói	Hộp/10 gói		80	
102	Canh thang kháng sinh vi pha loãng cho vi trùng/ nấm (khàng sinh pha loãng)	Hộp	10 khay/hộp	**HT7**	70	
103	Dung dịch nước khử khoáng vô trùng (khàng sinh pha loãng)	Hộp	100 ống/ hộp	**HT7**	7	
104	Khay kháng nấm vi pha loãng (khàng sinh pha loãng)	Hộp	10 khay/hộp	**HT7**	70	
105	Ống đo độ đục chuẩn (khàng sinh pha loãng)	Ống			1	

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
106	TRIM/SULFA 1/19 TS 32 US/ VANCOMYCIN VA 256 US / IMIPENEM IP 32 US / MEROPENEM MP 32 US / COLISTIN CO 256 US / CEFTRIAXON E TX 256 US / CEFIXIME IX 256 US	Hộp	Hộp 30 test		8	Tương thích máy định danh, kháng sinh đồ tự động, Hãng sản xuất: Biomerieux Inc, Model: VITEK 2 COMPACT 60
107	0,45% Sodium chloride	Chai	Chai 500 ml		150	Tương thích máy định danh, kháng sinh đồ tự động, Hãng sản xuất: Biomerieux Inc, Model: VITEK 2 COMPACT 60
108	Unsensitized tube 12x75mm	Thùng	Thùng 2000 cái		20	Tương thích máy định danh, kháng sinh đồ tự động, Hãng sản xuất: Biomerieux Inc, Model: VITEK 2 COMPACT 60
109	Kit Densichek standards plus	Bộ	Bộ		2	Tương thích máy định danh, kháng sinh đồ tự động, Hãng sản xuất: Biomerieux Inc, Model: VITEK 2 COMPACT 60
110	AST-GN--/N--/EX--/XN--/GP--/P--/ST--	Hộp	Hộp 20 card		480	Tương thích máy định danh, kháng sinh đồ tự động, Hãng sản xuất: Biomerieux Inc, Model: VITEK 2 COMPACT 60
111	Dispensette	Cái			2	Tương thích máy định danh, kháng sinh đồ tự động, Hãng sản xuất: Biomerieux Inc, Model: VITEK 2 COMPACT 60
112	AHG	Ml	Lọ/10ml		1.000	
113	Test nhanh Dengue NS1 Ag	Test	25 test/hộp		110.000	Được Bộ Y Tế cấp phép lưu hành. Trong tài liệu hướng dẫn sử dụng thuốc thử của hãng thể hiện các nội dung sau: Bệnh phẩm là máu toàn phần và huyết thanh; độ nhạy >92%, độ đặc hiệu > 98% và được so sánh với phương pháp tham chiếu RT-PCR; mẫu máu toàn phần tĩnh mạch sau khi thu thập được bảo quản 2-8 độ C và có thể xét nghiệm trong vòng ≥ 2 ngày; thời gian đọc kết quả chính xác và ổn định trong vòng 15 đến 20 phút. Độ thẩm thấu tốt, không bị lem, kết quả rõ.

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
114	Test nhanh sốt rét Ag/Pf/Pv	Test	25 test/hộp		1.300	Được Bộ Y Tế cấp phép lưu hành.Trong tài liệu hướng dẫn sử dụng thuốc thử của hãng thể hiện các nội dung sau: Bệnh phẩm là máu toàn phần và huyết thanh; độ nhạy >95%, độ đặc hiệu > 99% và được so sánh với phương pháp tham chiếu soi kính hiển vi; thời gian đọc kết quả chính xác và ổn định trong vòng 15 đến 30 phút.
115	Test nhanh HIV (HIV-1/2)	Test	Hộp/100 test		15.000	Được Bộ Y Tế cấp phép lưu hành.Trong tài liệu hướng dẫn sử dụng thuốc thử của hãng thể hiện các nội dung sau: Bệnh phẩm là máu toàn phần và huyết thanh; độ nhạy cho mẫu tĩnh mạch (mẫu huyết thanh, máu toàn phần) 100% và độ đặc hiệu cho mẫu tĩnh mạch (mẫu huyết thanh, máu toàn phần) > 99%; thời gian đọc kết quả chính xác và ổn định từ 30 đến 60 phút.
116	Test xét nghiệm tìm máu ẩn trong phân	Test			600	
117	Test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2	Test			1.200	Cấu hình cung cấp cho 01 bộ xét nghiệm kháng nguyên SARS-CoV-2 gồm: + 01 que tăm bông phết tỵ hầu có khắc đánh dấu vị trí phết. + 01 ống dung dịch đệm bất hoạt virus riêng cho mỗi bộ xét nghiệm. + 01 thẻ (card) xét nghiệm. + Có tối thiểu 01 chứng âm và 01 chứng dương trong mỗi hộp xét nghiệm (tùy theo quy cách đóng gói). - Độ nhạy > 90% và độ đặc hiệu > 97%. - Que tăm bông phết tỵ hầu có khắc đánh dấu vị trí phết, có thể bẻ được. Độ dài que phết (không tính phần cán): ≥ 60 mm. Đường kính đầu phết: ≤ 3 mm. Vật liệu sợi tăm bông: polyester (nylon). - Ống dung dịch đệm bất hoạt virus có nắp. - Bảo quản được tại nhiệt độ phòng.

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
118	Hoá chất Nội kiểm HbA1c mức 1 và 2	Hộp	4 x 0,5 ml		6	Dạng đông khô. 100% máu toàn phần từ người. Đáp ứng thông số HbA1c. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 28 ngày 2-8oC hoặc tương đương.
119	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethanol	Hộp	6 x 2ml	**HT8**	8	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethanol đáp ứng 2 thông số Ammonia và Ethanol. Có chu kỳ bắt đầu tháng 9 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
120	Chương trình ngoại kiểm Dịch Não Tủy	Hộp	6 x 3ml	**HT8**	8	Chương trình ngoại kiểm Dịch não tủy đáp ứng 7 thông số hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 3 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
121	Chương trình ngoại kiểm Protein Đặc Hiệu	Hộp	6x1ml	**HT8**	8	Chương trình ngoại kiểm Protein đặc hiệu đáp ứng trên 25 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả thông số α-1-Acid glycoprotein, α-1-Antitrypsin, α-2-Macroglobulin, Anti Streptolysin O, Complement C3, Complement C4, IgA, IgE, IgG, IgM. Có chu kỳ bắt đầu tháng 3 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
122	Chương trình ngoại kiểm Miễn Dịch	Hộp	6 x 5ml	**HT8**	4	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng trên 48 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả thông số Gentamicin, PTH và 1-25-(OH)2-Vitamin D. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
123	Chương trình ngoại kiểm Tim Mạch	Hộp	6 x 3ml	**HT8**	4	Chương trình ngoại kiểm Tim mạch đáp ứng trên 10 thông số dấu ấn tim mạch hoặc tương đương, bao gồm cả thông số CK-MB activity và CK-MB mass. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
124	Chương trình ngoại kiểm Syphillis	Hộp	6 x 1ml	**HT8**	4	
125	Chương trình ngoại kiểm Miễn Dịch Đặc Biệt I	Hộp	6 x 2 ml	**HT8**	6	
126	Chương trình ngoại kiểm Huyết học	Hộp	3 x 2ml	**HT8**	8	
127	Chương trình ngoại kiểm Đông máu	Hộp	6 x 1ml	**HT8**	4	
128	Chương trình ngoại kiểm Xét nghiệm tại chỗ Glucose/Ketones	lọ	lọ/400 µl		16	Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
129	Chương trình ngoại kiểm Cyfra 21-1	Hộp	6 x 1ml		4	Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
130	Chương trình ngoại kiểm HbA1c	Hộp	6 x 0,5 ml		10	Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thông số hoặc tương đương. Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm.Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Bảo quản 2-8 Oc.
131	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa	Hộp	6 x 5ml		10	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả ACE (Angiotensin Converting Enzyme), D-3-Hydroxybutyrate, Fructosamine và eGFR (estimated glomerular filtration rate). Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
132	Chương trình ngoại kiểm Niệu	Hộp	3 x 12ml		10	Chương trình ngoại kiểm Niệu đáp ứng 14 thông số tổng phân tích nước tiểu hoặc tương đương, bao gồm thông số Galactose. Thành phần yêu cầu 100% nước tiểu người. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
133	Chương trình ngoại kiểm Khí máu	Hộp	6 x 1,8 ml		10	Chương trình ngoại kiểm Khí máu đáp ứng trên 10 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả thông số Bicarbonate và CO2 (total). Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
134	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức 2	Hộp	20 x 5ml	**HT9**	10	Dạng đông khô dễ bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng trên 65 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả D-3-Hydroxybutyrate, Folate, Bicarbonate, Bile Acids.
135	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức 3	Hộp	20 x 5ml	**HT9**	10	Dạng đông khô dễ bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng trên 65 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả D-3-Hydroxybutyrate, Folate, Bicarbonate, Bile Acids.
136	Hóa chất nội kiểm bộ mỡ mức 1	Hộp	5 x 3ml	**HT10**	10	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng 7 thông số. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8oC hoặc 28 ngày ở -20oC hoặc tương đương. Không chứa Sodium Azid - chất gây cản trở phương pháp đo thanh thải (Clearance method) của các máy phân tích.
137	Hóa chất nội kiểm bộ mỡ mức 2	Hộp	5 x 3ml	**HT10**	10	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng 7 thông số. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8oC hoặc 28 ngày ở -20oC hoặc tương đương. Không chứa Sodium Azid - chất gây cản trở phương pháp đo thanh thải (Clearance method) của các máy phân tích.
138	Hóa chất nội kiểm bộ mỡ mức 3	Hộp	5 x3ml	**HT10**	10	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng 7 thông số. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8oC hoặc 28 ngày ở -20oC hoặc tương đương. Không chứa Sodium Azid - chất gây cản trở phương pháp đo thanh thải (Clearance method) của các máy phân tích.

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
139	Hóa chất nội kiểm dịch não tủy mức 2	Hộp	10 x 3ml	**HT11**	2	Thành phần từ người. Đáp ứng trên 10 thông số, bao gồm cả thông số α-1-Globulin (Electrophoresis), α-2-Globulin (Electrophoresis), β-Globulin (Electrophoresis) và γ-Globulin (Electrophoresis). Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 14 ngày 2-8oC hoặc tương đương
140	Hóa chất nội kiểm dịch não tủy mức 3	Hộp	10 x 3ml	**HT11**	2	Thành phần từ người. Đáp ứng trên 10 thông số, bao gồm cả thông số α-1-Globulin (Electrophoresis), α-2-Globulin (Electrophoresis), β-Globulin (Electrophoresis) và γ-Globulin (Electrophoresis). Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 14 ngày 2-8oC hoặc tương đương.
141	Hóa chất nội kiểm niệu mức 1	Hộp	12 x 12ml	**HT12**	6	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số, bao gồm thông số Albumin. Thích hợp cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Bảo quản 2-8oC. Mở nắp tối thiểu 30 ngày 2-8oC hoặc tương đương.
142	Hóa chất nội kiểm niệu mức 2	Hộp	12 x 12ml	**HT12**	6	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số, bao gồm thông số Albumin. Thích hợp cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Bảo quản 2-8oC. Mở nắp tối thiểu 30 ngày 2-8oC hoặc tương đương.
143	Hóa chất nội kiểm Ammonia Ethanol mức 1	Hộp	6 x 2ml	**HT13**	2	Dạng lỏng dùng ngay. Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày ở 2 - 8 độ C hoặc tương đương.
144	Hóa chất nội kiểm Ammonia Ethanol mức 2	Hộp	6 x 2ml	**HT13**	2	Dạng lỏng dùng ngay. Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày ở 2 - 8 độ C hoặc tương đương.
145	Hóa chất nội kiểm Ammonia Ethanol mức 3	Hộp	6 x 2ml	**HT13**	2	Dạng lỏng dùng ngay. Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày ở 2 - 8 độ C hoặc tương đương.
146	Chương trình ngoại kiểm sinh hóa Nước tiểu	Hộp	12x10 ml		8	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa nước tiểu đáp ứng 25 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả thông số ACR, Amylase, Copper. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
147	Kit nhân gen một bước RT-PCR	Test	Bộ/ 100 test		10.000	- Kit xét nghiệm RT-PCR 1 bước. - Sử dụng với bất kỳ mẫu RNA. - Thiết kế phản ứng nhanh và thao tác trong 1 tube.

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
148	DNA Polymerase	Test	Bộ/ 100 test		200	Sử dụng cho xét nghiệm PCR
149	Chất khử DNAse và RNAse	Chai			1	
150	TE 100X	Chai			1	
151	Nước sử dụng trong SHPT	Chai			1	Không có DNAse và RNAse
152	FluA-Forward_1 primer (25 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	4	
153	FluA-Forward_2 primer (25 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	4	
154	FluA-Reverse_1 primer (23 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	4	
155	FluA-Reverse_2 primer (23 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	4	
156	RNP-Forward primer (19 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	4	
157	RNP-Reverse primer (20 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	4	
158	SwineH1-Forward primer (23 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	2	
159	SwineH1-Reverse primer (24 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	2	
160	FluA probe (24 Nu, FAM-BHQ1)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	2	
161	RNP probe	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	2	
162	SwineH1 probe (31 Nu, FAM- internal Quencher BHQ1)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	1	
163	H3 Forward (21 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	2	
164	H3 Reverse (23 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	2	
165	H3 Probe (27 Nu, FAM-BHQ1)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
166	H5a Forward (24 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	1	
167	H5a Reverse (20 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	1	
168	H5a Probe1 (35 Nu, FAM- internal Quencher BHQ1)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	1	
169	H5a Probe2 (35 Nu, FAM- internal Quencher BHQ1)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	1	

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
170	H5b Forward (26 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	1	
171	H5b Reverse (22 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	1	
172	H5b Probe (33 Nu, FAM-intenal Quencher BHQ1)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	1	
173	FluB Forward (22 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	4	
174	FluB Reverse (21 Nu)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	4	
175	FluB Probe (27 Nu. FAM-BHQ1)	Ống	Ống/ 10 OD	**HT14**	2	
176	N1-F (18 Nu)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
177	N1-R (19 Nu)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
178	N1-Taqman Probe (19 Nu- FAM-BHQ1	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
179	H7 forward (23 Nu)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
180	H7 reverse (28 Nu)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
181	H7-probe (25 Nu)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
182	N9 forward (24 Nu)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
183	N9 probe (24 Nu)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
184	N9 reverse (26 Nu)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
185	PVO5m (20 Nu)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
186	PVO8 (22 Nu)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
187	PVO9 (19 Nu)	Ống	Ống/5 OD	**HT14**	1	
188	ENT-F (17 Nu)	Ống	5 OD/ống	**HT14**	2	
189	ENT-R (19 Nu)	Ống	5 OD/ống	**HT14**	2	
190	ENTr-probe (20 Nu) (CY5-BHQ3)	Ống	Ống/10 OD	**HT14**	2	
191	EV71-634F (23 Nu)	Ống	5 OD/ống	**HT14**	2	

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
192	EV71-643R (23 Nu)	Ống	5 OD/ống	**HT14**	2	
193	EV71-probe (22 Nu) (Cyan 500 - BHQ1)	Ống	5 OD/ống	**HT14**	2	
194	Oxy khí	Chai	6m3/chai	**HT15**	3.000	
195	Oxy lỏng	Kg		**HT15**	550.000	Hàm lượng oxy: >99,5% Giới hạn acid-kiềm: Đạt Carbon Monoxyd (CO): không được quá 5ppm Carbon Dioxyd (CO2): không được quá 0,03% Các chất Oxy hóa: Đạt Định tính: Đạt
196	Oxy khí chai 0,5 m3 - 2 m3	Chai	0,5 m3-2 m3/chai	**HT15**	2.000	
197	Cồn y tế 96 độ	Lít	Bình/ 30 lít		18.000	Alcol chứa khoảng 96% ethanol, dùng trong y tế
198	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và các dụng cụ y tế khác bằng cách ngâm, bồn rửa siêu âm hoặc máy rửa dụng cụ chứa hỗn hợp 5 enzyme: Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase + chất hoạt động bề mặt	Can	Can 5L		300	- Dung dịch tẩy rửa dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và các dụng cụ y tế khác bằng cách ngâm, bồn rửa siêu âm hoặc máy rửa dụng cụ chứa hỗn hợp 5 enzyme: Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase + chất hoạt động bề mặt. - Nồng độ sử dụng 0,5% (tương đương 5ml trong 1 lít nước) - Đạt các tiêu chuẩn ISO/CE (tiêu chuẩn Châu Âu)/EN hoặc tương đương
199	Viên tẩy khử khuẩn tan nhanh trong nước chứa Na dichloroiscocyanurate ≥ 50% w/w, 2,5-4g	Viên			60.000	- Viên tẩy khử khuẩn tan nhanh trong nước chứa Na dichloroiscocyanurate ≥ 50% w/w, 2,5-4g - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật của cơ quan có chức năng
200	Dung dịch tẩy rửa, khử trùng sàn nhà và bề mặt chứa N-(3-aminopropyl)-N-dodecylopropane-1,3-diamine (51 mg/g), didecyldimethylammonium chloride (25mg/g)	Can	Can 5L		50	Dung dịch tẩy rửa, khử trùng sàn nhà và bề mặt chứa N-(3-aminopropyl)-N-dodecylopropane-1,3-diamine (51 mg/g), didecyldimethylammonium chloride (25mg/g)

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
201	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh dạng cồn, tổng nồng độ cồn từ 60-90%, Chlohexidine gluconate 0,5%, chất dưỡng ẩm	Chai	Chai/ 500ml		24.000	- Dung dịch sát khuẩn tay nhanh dạng cồn, tổng nồng độ cồn từ 60-90%, Chlohexidine gluconate 0,5%, chất dưỡng ẩm - Có số đăng ký lưu hành của BYT - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật của cơ quan có chức năng - Cung cấp khay đựng
202	Dung dịch rửa tay thủ thuật, thường quy Chlorhexidine gluconate 2%	Chai	Thùng 12 chai/ 500ml		7.600	- Thành phần có chứa Chlorhexindine gluconate 2% - Có số đăng ký lưu hành của BYT - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật của cơ quan có chức năng - Cung cấp khay đựng
203	Dung dịch ngâm khử khuẩn mức độ cao, không gây ăn mòn dụng cụ chứa Ortho-phathaladehyde (OPA) 0,55-0,60%, pH 7,0 - 7.8	Can	Can 5L		600	- Dung dịch ngâm khử khuẩn mức độ cao, không gây ăn mòn dụng cụ chứa Ortho-phathaladehyde (OPA) 0,55-0,60%, pH 7,0 - 7.8 - Tái sử dụng dung dịch trong vòng 14 ngày. - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật của cơ quan có chức năng - Kèm test thử
204	Dung dịch ngâm dụng cụ chứa Didecyldimethyl ammonium chloride, Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt.	Can	Can 5L		500	- Dung dịch ngâm dụng cụ chứa Didecyldimethyl ammonium chloride, Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt. - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật của cơ quan có chức năng
205	Dung dịch vệ sinh và khử khuẩn bề mặt chứa didecyldimethylammonium chloride, Polyhexamethylene biguanide hydrochloride	Chai	Chai 750ml		500	- Dung dịch vệ sinh và khử khuẩn bề mặt chứa didecyldimethylammonium chloride, Polyhexamethylene biguanide hydrochloride - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật: ISO/CE (tiêu chuẩn Châu Âu)/EN hoặc tương đương

Mã VTYT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá	Đơn vị tính	Quy cách	Nhóm hỗ trợ (nhóm HT)	Số lượng (sử dụng 24 tháng)	Yêu cầu kỹ thuật
206	Hóa chất phun sương 5%w/w Hydrogen Peroxide + 0,005w/w Ion Bạc Active ingredient(s)	Bình	Bình/5 Lít		327	- Hóa chất phun sương 5%w/w Hydrogen Peroxide + 0,005w/w Ion Bạc Active ingredient(s) - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật của cơ quan có chức năng
207	Gel siêu âm	Bình	Bình/5 Lít		1.300	Cung cấp chai nhỏ kèm theo can, Gel không gây kích ứng
208	Dầu bảo dưỡng bôi trơn dụng cụ	chai	300ml		20	
209	Kem dùng ngoài điều trị mẩn đỏ, ngứa, hăm.	Hộp	Hộp 60g		500	
210	Lubricating Jelly 2,7g	Gói	Gói 2,7g		7.200	
211	K-Y Lubricating Jelly 82g	Tuýp	Tuýp 82g		700	
212	Dung dịch bảo vệ da, chống loét chứa hexamethyldisiloxane, isooctane, acrylate terpolymer, polyphenylmethylsiloxane, copolymer hoặc tương đương (dạng xịt)	Chai	Chai 28 ml		400	
213	Kem dùng ngoài bảo vệ da khỏi tác hại của nước tiểu, phân và các loại dịch tiết khác của cơ thể, ngăn ngừa và giảm loét tì đè.	Tuýp	Tuýp 92 g		300	
214	Dung dịch cồn Iod sát khuẩn da nhanh	Chai	Chai 250 ml		50	